

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 335/TCT-BQLDA ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tổng Công ty Viglacera - CTCP về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Đồng Văn IV;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Viglacera - CTCP, địa chỉ tại tầng 16, 17 Toà nhà Viglacera, số 01 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Đồng Văn IV có địa chỉ tại xã Đại Cường, xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Đồng Văn IV.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đại Cường, xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1138634252 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 8 năm 2016; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0100108173 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26 tháng 02 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 0100108173.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Công nghiệp chế tạo và lắp ráp linh kiện cơ khí và điện tử (sản xuất điện thoại di động, điện thoại thông minh, sản xuất các sản phẩm phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động và sản xuất các thiết bị cơ khí chính xác); công nghiệp chế biến thực

phẩm, hàng tiêu dùng (sản xuất bia, nước giải khát, bánh kẹo và đồ gia dụng); các ngành công nghiệp trụ trợ, thân thiện môi trường (kho vận, trung tâm logistic; sản xuất phần mềm nội dung thông tin số; sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin; sản xuất vật liệu công nghệ, năng lượng).

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 300 ha (Giai đoạn 01 có diện tích 88,6 ha; Giai đoạn 02 phân kỳ 2.1 có diện tích 71,88 ha; Giai đoạn 2 phân kỳ 2.2 có diện tích 139,52 ha).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Viglacera - CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Viglacera - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2029).

Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 468/GP-TCTL-QLCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hà Nam (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Tổng Công ty Vigalacera - CTCP;
- Lưu: VT, TCMT, Q12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Đồng Văn IV. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở để đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của khu công nghiệp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ Khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV (đã có Biên bản thỏa thuận ngày 20 tháng 6 năm 2022 ký kết giữa Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera và Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera về đầu nối nước thải từ Khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV sang hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Văn IV). Nước thải được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Văn IV có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Đồng Văn IV. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Kênh A3-2-11 do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam quản lý. Nước thải từ kênh A3-2-11 được Trạm bơm Giáp Ba và Hoàng Tây bơm ra sông Nhuệ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2281842,128; Y = 592557,527 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 105°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ 02 Mô-đun xử lý nước thải tập trung tự chảy vào hồ điều hoà, sau đó tự chảy hoặc được bơm cưỡng bức theo đường ống HDPE ra kênh A3-2-11. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	60,75		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		Đã lắp đặt
6	Màu	Pt/Co	50		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3		-
8	Asen	mg/l	0,04		-
9	Thủy ngân	mg/l	0,004		-
10	Chì	mg/l	0,081		-
11	Cadimi	mg/l	0,04		-
12	Crom (VI)	mg/l	0,04		-
13	Crom (III)	mg/l	0,162		-
14	Đồng	mg/l	1,62		-
15	Kẽm	mg/l	2,43		-
16	Niken	mg/l	0,162		-
17	Mangan	mg/l	0,405		-
18	Sắt	mg/l	0,81		-
19	Tổng xianua	mg/l	0,056		-
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		-
21	Clo dư	mg/l	0,81		-
22	Sunfua	mg/l	0,162		-
23	Florua	mg/l	4,05		-
24	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		-
25	Tổng nitơ	mg/l	16,2		-
26	Clorua	mg/l	405		-
27	Tổng phenol	mg/l	0,081		-
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-
30	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		-
31	PCB	mg/l	0,002	01 năm/lần	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 và số 03: Nước thải xả vào hệ thống cống thu gom bằng bê tông cốt thép và bơm về 02 Mô-đun xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải được bơm về hệ thống cống thu gom bằng bê tông cốt thép của Khu công nghiệp Đồng Văn IV và tự chảy về 02 Mô-đun xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải số 01 (Mô-đun số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01, 02 và 03) → Hồ bơm chuyển cốt → Bể gom nước thải → Bể lắng cát và tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ điều hòa nước thải sau xử lý → kênh A3-2-11.

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, PAC, Polymer A, Polymer C, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải số 02 (Mô-đun số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01, 02 và 03) → Hồ bơm chuyển cốt → Bể gom nước thải → Bể lắng cát và tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ điều hòa nước thải sau xử lý → kênh A3-2-11.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, PAC, Polymer A, Polymer C, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại đường ống xả nước thải sau xử lý từ hồ điều hòa ra kênh A3-2-11.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 18.000 m³. Thành và đáy hồ được xây bằng đá hộc trát xi măng, lót màng HDPE để ngăn ngừa nước thải thấm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về hồ sự cố trước khi bơm về các mô-đun xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 02 mô-đun xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải đầu vào được xử lý bằng mô-đun còn lại, đồng thời nước thải từ mô-đun bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về 02 mô-đun để xử lý.

- Trường hợp cả 02 mô-đun xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các mô-đun và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về các mô-đun để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1,0

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
13	Đồng	mg/l	2,0
14	Kẽm	mg/l	3,0
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1,0
17	Sắt	mg/l	5,0
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
20	Clo dư	mg/l	2,0
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6,0
25	Tổng nitơ	mg/l	40
26	Clorua	mg/l	1000
27	Tổng PCB	mg/l	0,01
28	Tổng phenol	mg/l	0,5
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1,0
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
33	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Mô-đun số 01 xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m³/ngày (24 giờ).
- Mô-đun số 02 xử lý nước thải tập trung có công suất 4.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đường ống xả nước thải sau xử lý của mỗi Mô-đun trước khi chảy ra hồ điều hòa nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Tổng Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của 02 Mô-đun xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các Mô-đun xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tối thiểu 15 ngày/lần.
- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp (01 ngày/lần) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Đồng Văn IV và nước thải sinh hoạt từ Khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Đồng Văn IV.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Tổng Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Tổng Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại

Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Tổng Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Tổng Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
3	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	40
4	Các loại dầu thải khác	17 07 03	40
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	250.000
6	Bùn đất nạo vét có các thành phần nguy hại	11 05 02	3.000
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	20
8	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	600
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	20
10	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	20
	Tổng khối lượng		253.751

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	1,8
2	Giấy viết loại, bìa carton	0,1
	Tổng khối lượng	1,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

a) Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 01 (lưu chứa các chất thải nguy hại trừ bùn thải từ các công trình xử lý nước thải tập trung và bùn nạo vét từ công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải):

- Diện tích: 11,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái đổ bê tông cốt thép; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

b) Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 02 (lưu chứa bùn thải từ các công trình xử lý nước thải tập trung và bùn nạo vét từ công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải):

- Diện tích: 32,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái đổ bê tông cốt thép; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 487/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam”, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 487/QĐ-BTNMT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Tổng Công ty.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện: Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.600 m³/ngày (24 giờ) cho Khu công nghiệp Đồng Văn IV theo nội dung Quyết định số 487/QĐ-BTNMT, cụ thể như sau:

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 2.600 m³/ngày (24 giờ): Nước thải đầu vào → Bể gom nước thải → Bể lắng cát và tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ điều hòa nước thải sau xử lý → kênh A3-2-11.

- Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 0,9).

Việc tiếp tục xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung cho Khu công nghiệp Đồng Văn IV là nhằm đảm bảo khả năng xử lý nước thải phát sinh tại các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp trong trường hợp các công trình xử lý nước thải hiện hữu không đủ năng lực xử lý. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Tổng Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.